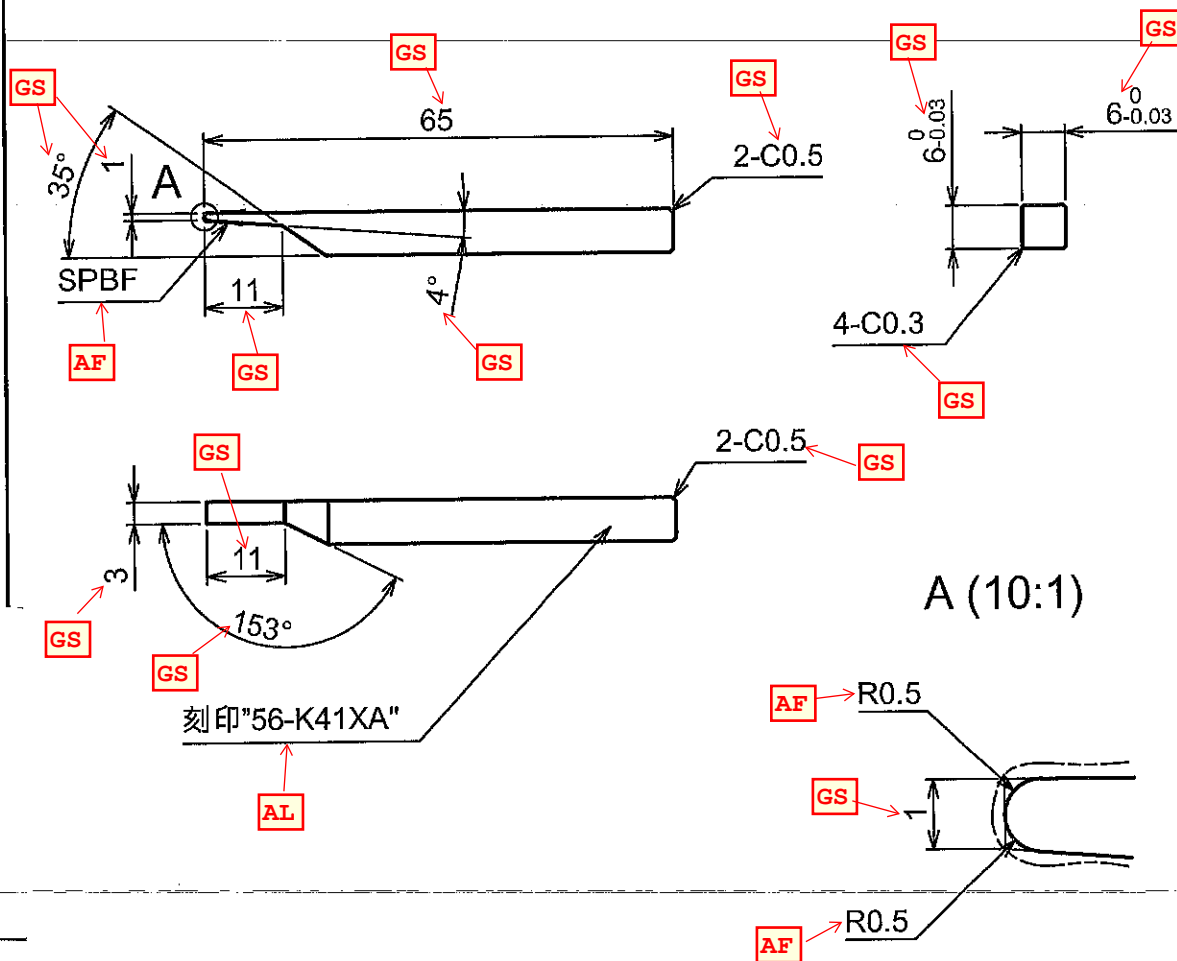


10/15.

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2016/10/24	新規設計	OPS-1604-009	Xie_Jiang_Hua	Zhou_Hong_Yu	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△						0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
△						0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED									
FINISH MARKS									
3.2/									



CONFIDENTIAL

注：1、6号成形模  
2、56-K41XA专用

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Xie_Jiang_Hua	Zhou_Hong_Yu	部品図		成形ダイス
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		FORMING DIES
HRC 55°~60°	SOB	部品図		成形模
MATERIAL	DATE	SCALE		成形模
SKS3	2016/10/24	1:1		DWG.No.
				R068212

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

11427 ĐOÀN

T10 x15 x75

SNO: **R068212**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>SKH51</b> <b>Ø8*70</b>	GS:135 AF:10 AL5 KT